

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 9 năm 2020

(V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Quang Đại.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Út;
2. Bà Phạm Thị Dung.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Mạnh Tuấn là Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Bà Hoàng Thị Trinh - Kiểm sát viên - Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2020/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định H phiên tòa số: 23/2020/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Hồng Q - sinh năm 1989;
Trú tại: x, tổ x phường KT, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội - có mặt tại phiên tòa;
2. Bị đơn: Chị Phạm Thị H - sinh năm - 1991;
Trú tại: Bản Đ, xã XH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của anh Trần Hồng Q có nội dung như sau:

Anh Q và chị Phạm Thị H đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 3 năm 2015, tại Ủy ban nhân dân phường KT, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, sau khi đăng ký kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do anh Q và chị H chưa tìm hiểu kỹ dẫn đến khi về chung sống không có tiếng nói chung đồng thời anh Q làm cán bộ công chức, chị H làm nghề tự do nên anh chị không hợp nhau trong làm ăn kinh tế cũng như cách nuôi dạy con chung. Do không thể tiếp tục chung sống năm 2020 chị H đã bỏ về nhà bố đẻ tại bản Đ, xã XH sinh sống. Xác định không thể tiếp tục chung sống được anh Q khởi kiện yêu cầu ly hôn chị H.

Về con chung anh chị có 01 con chung. Cháu Trần Phương C, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2015. Hiện nay cháu C đang sống cùng anh Q. Sau khi ly hôn anh Q có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập chị Phạm Thị H đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án nhưng chị H không có mặt theo giấy triệu tập nên Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ và tiến hành các hoạt động theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định, bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị anh Trần Hồng Q.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Hồng Q được ly hôn với chị Phạm Thị H.

Về con chung: Giao cháu Trần Phương C, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2015 cho anh Trần Hồng Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] anh Trần Hồng Q kiện yêu cầu ly hôn chị Phạm Thị H, chị H, cư trú tại huyện Bảo Yên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên được quy định tại các Điều 28; 35 và 39 bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Q và chị H đã đăng ký kết hôn tại UBND phường KT. Vì vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh Q và chị H không hợp nhau dẫn đến anh chị không có tiếng nói chung, không đồng thuận về làm ăn kinh tế, về cách nuôi dạy con chung. Từ năm 2020 anh Q và chị H đã ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mục đích của hôn nhân giữa anh Q và chị H không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Q là phù hợp.

Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Q đã cung cấp được bản sao bảng lương mỗi tháng anh Q có thu nhập 10.221.000 đồng/01 tháng, anh Q có đủ điều kiện để nuôi con. Chị H thường xuyên vắng mặt tại địa phương, hiện nay cháu C đang sinh sống và học tập ổn định cùng anh Q. Cần giao cháu Trần Phương C sinh ngày 06 tháng 3 năm 2015 cho anh Trần Hồng Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị H Không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung anh Q không không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí nguyên đơn sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí của tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho anh Trần Hồng Q được ly hôn với chị Phạm Thị H.

2. Về con chung:

Giao cháu Trần Phương C - sinh ngày 06 tháng 3 năm 2015 cho anh Trần Hồng Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị H Không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phạm Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Anh Trần Hồng Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0001818 ngày 13 tháng 6 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện(2);
- C cục THADS huyện (2);
- UBND P KT;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ (2);
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Đại